

Bản án số **85/2024/HS-ST**

Ngày: 25 -6- 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hồng Hải

Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Khánh Vi

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 71/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2024 đối với:

Bị cáo: Nguyễn Trọng S, tên gọi khác: Không, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2001 tại Bình Định; nơi ĐKKTT: Tổ E, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng; chỗ ở hiện nay: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Viết T (chết) và bà Phạm Thị T1 (sinh năm: 1979).

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 27/02/2024, Ủy ban nhân dân phường K ra Quyết định về việc quản lý người nghiện ma túy trong thời gian làm thủ tục đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 15 tháng 3 năm 2024, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận T, thành phố Đà Nẵng. *(Có mặt tại phiên tòa).*

Bị cáo: Trương Bùi Duy T2, tên gọi khác: Không, sinh ngày 13 tháng 6 năm 2002 tại Đà Nẵng; nơi cư trú: Tổ D, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Sinh viên; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trương Ngọc B (c) và bà Bùi Thị T3 (sinh năm: 1979).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại:

+ Chị Ngô Thị Thanh V, sinh năm: 1977. Địa chỉ: K T, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

+ Chị Lê Thị Mỹ H, sinh năm: 2005; Địa chỉ: K N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

+ Chị Lê Thị T4, sinh năm: 1999; Địa chỉ: D C, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

- ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

+ Anh Phạm Minh S1, sinh năm: 1992; Địa chỉ: Tổ B, thôn A, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Trọng S có hộ khẩu thường trú tại K N, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng nhưng không sinh sống với gia đình mà bỏ đi, sống lang thang không có chỗ ở và không có việc làm ổn định. Từ ngày 05/01/2024 đến ngày 25/02/2024, do thiếu tiền tiêu xài nên S đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản của người khác trên địa bàn quận T, quận H và quận C, thành phố Đà Nẵng, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 20 giờ 45 phút ngày 05/01/2024, tại địa chỉ số K T, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng, bà Ngô Thị Thanh V có để 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu đen, có gắn ốp lưng điện thoại màu vàng - hồng trên ghế gỗ trong phòng khách, rồi đi lên gác lấy quần áo. Lúc này, Nguyễn Trọng S đi bộ ngang qua nhà địa chỉ số K T, thành phố Đà Nẵng, thấy cửa nhà không đóng nên S lén lút đi vào trong nhà lấy trộm 01 điện thoại di động của chị V để trên ghế gỗ khu vực phòng khách rồi cất giấu vào trong túi quần rồi bỏ đi, sau đó S gỡ ốp lưng điện thoại vớt tại trước nhà số B T, thành phố Đà Nẵng rồi đi đến quán I, địa chỉ số B T, thành phố Đà Nẵng để chơi điện tử. Phát hiện điện thoại bị mất, lúc 22 giờ ngày 05/01/2024, chị V đến Công an phường T trình báo vụ việc. Qua trích xuất dữ liệu camera, Công an phường T xác định và phát hiện S tại quán Internet nên triệu tập S về làm việc. Tại Cơ quan Công an, S khai nhận toàn bộ hành vi như trên và giao nộp điện thoại lấy trộm được cho cơ quan Công an.

Công an phường T tiến hành truy tìm, thu giữ ốp lưng điện thoại iphone X màu vàng hồng tại trước số nhà K T, thành phố Đà Nẵng.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 19/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng quận T kết luận: 01 điện thoại di động iphone X màu đen 256GB trị giá: 3.500.000 đồng; ốp lưng bằng nhựa đã cũ và qua sử dụng không còn giá trị.

Vụ thứ hai: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 07/01/2024, tại phòng trọ số 01 thuộc dãy phòng trọ tại địa chỉ số K N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, chị Lê Thị M có để một cái cặp màu xanh ở khu vực bếp bên trong có 60.000 đồng. Lúc này, S đi bộ ngang qua dãy phòng trọ địa chỉ số K N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng thì phát hiện cửa phòng trọ số 1 không đóng nên S lén lút vào trong phòng trọ tìm kiếm tài sản, S phát hiện trong một cái cặp màu xanh để ở khu vực bếp có 60.000 đồng nên S lấy trộm 60.000 đồng bỏ vào trong túi quần rồi đi ra cửa sau phòng trọ để trốn thoát. Lúc này, chị Nguyễn Thị Ngọc H1 đang ở trong phòng ngủ phát hiện có người đột nhập vào phòng nên chạy ra ngoài gọi người dân xung quanh đuổi theo giữ được S và báo cho Công an phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Tại cơ quan Công an, S khai nhận toàn bộ hành vi như trên và giao nộp số tiền lấy trộm được cho cơ quan Công an.

Vụ thứ ba: Nguyễn Trọng S và Trương Bùi Duy T2 quen biết nhau do thường xuyên đến quán I tại địa chỉ số A H, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng để chơi game.

Vào sáng ngày 25/02/2024, tại phòng trọ số C địa chỉ D C, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng chị Lê Thị T4 có để trên bàn học trong phòng trọ 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS màu trắng, có gắn ốp lưng rồi khóa cửa đi làm. Đến 15 giờ 30 phút cùng ngày, S đi bộ ngang qua phòng trọ số 3 địa chỉ D C, thành phố Đà Nẵng thấy cửa khóa lỏng lẻo, nên đã dùng tay cạy khóa cửa rồi lén vào trong phòng lấy trộm 01 điện thoại di động của chị T4 để trên bàn học trong phòng rồi bỏ vào trong túi đeo chéo trước ngực, lúc đi ra S có bỏ lại trước cửa phòng trọ 01 đôi dép hiệu QT luxury made in viet nam, màu đen. Sau khi lấy trộm được điện thoại, S tháo ốp lưng điện thoại vứt đi (*không xác định được địa điểm vứt*). Đến 18 giờ cùng ngày S mang điện thoại trộm cắp được đến quán điện tử Internet tại địa chỉ số A H, thành phố Đà Nẵng gặp Trương Bùi Duy T2 nhờ T2 bán giúp. Lúc này, T2 hỏi điện thoại ở đâu mà có thì S nói “*điện thoại này đi có việc mà có*”, nhìn điện thoại có mặt khẩu và hình nền đại diện của một bạn gái, nên T2 biết điện thoại S trộm cắp có được nhưng do cần tiền tiêu xài T2 vẫn đồng ý bán giúp, T2 lên mạng xã hội liên hệ với tài khoản facebook “*Sĩ Phạm*” của anh Phạm Minh S1, T2 nhắn tin qua ứng dụng messenger nói là “*điện thoại nhặt được*” nên liên hệ bán điện thoại và S1 đồng ý. Đến khoảng 10 giờ ngày 26/02/2024, T2 mang điện thoại hiệu iphone XS màu trắng đến địa chỉ A X, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng gặp anh S1 bán được 1.000.000 đồng. Sau khi bán được, T2 về lại quán Internet tại địa chỉ số A H, thành phố Đà Nẵng đưa cho S số tiền 1.000.000 đồng, S cho T2 số tiền 500.000 đồng, sau đó đến chiều cùng ngày do thiếu tiền tiêu xài nên S nói T2 đưa lại cho S 300.000 đồng, số tiền có được S và T2 đã tiêu xài hết. Phát hiện điện thoại bị mất, ngày 27/02/2024, chị T4 đến Công an phường K, quận C trình báo vụ việc. Ngày 15/4/2024, Công an phường K triệu tập S1 về làm việc, đối với điện thoại mua của T2, Nguyễn Minh S2 đem về rồi máy để bán linh kiện, S2 đã bán camera với giá

250.000 đồng, main với giá 300.000 đồng, màn hình với giá 450.000 đồng (*không thu hồi được*); S2 đã giao nộp các linh kiện còn lại gồm bộ vỏ iphone XS màu trắng, 01 cục pin iphone XS cho Công an.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 18/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng quận C kết luận: Điện thoại di động hiệu iphone XS loại 64G, màu trắng, đã qua sử dụng trị giá: 3.958.000 đồng; ốp lưng iphone XS đã qua sử dụng, trị giá: 15.000 đồng. Tổng giá trị tài sản S trộm cắp là: 3.973.000 đồng.

Bản cáo trạng số 65/CT-VKS ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Nguyễn Trọng S về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và bị cáo Trương Bùi Duy T2 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng giữ nguyên quan điểm đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

- *Đối với Nguyễn Trọng S:*

Về tội danh và hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng S phạm tội “Trộm cắp tài sản”, xử phạt bị cáo từ 12 tháng – 15 tháng tù.

- *Đối với Trương Bùi Duy T2:*

Về tội danh và hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, s, h, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Trương Bùi Duy T2 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, xử phạt bị cáo 06 tháng – 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 24 tháng.

- *Về xử lý vật chứng:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án: 01 đĩa CD màu vàng, bên trong chứa dữ liệu liên quan đến vụ trộm cắp tài sản tại số B T, thành phố Đà Nẵng có thời lượng 10 giây (*từ 20 giờ 46 phút 25 giây đến 20 giờ 46 phút 35 giây*); 01 đĩa CD chứa 02 đoạn video ghi hình ảnh Nguyễn Trọng S chuẩn bị thực hiện hành vi trộm cắp vào ngày 25/02/2024.

+ Trả lại bộ vỏ iphone XS màu trắng, 01 cục pin iphone XS cho anh Phạm Minh S1.

+ Tịch thu tiêu huỷ 01 đôi dép hiệu QT Luxury made in VietNam, màu đen, của bị cáo Nguyễn Trọng S.

- *Về trách nhiệm dân sự:*

+ Chị Ngô Thị Thanh V đã nhận lại điện thoại, không có yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho S.

+ Chị Lê Thị Mỹ H đã nhận lại số tiền 60.000 đồng và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

+ Chị Lê Thị T4 bị thiệt hại 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS màu trắng. Bị cáo Trương Bùi Duy T2, anh Phạm Minh S1 và bị cáo Nguyễn Trọng S tự nguyện tác động gia đình, mỗi người góp 2.000.000 đồng để mua một điện thoại di động Iphone XS tương tự cho chị Lê Thị T4. Chị T4 không có yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin bãi nại cho S và T2.

+ Anh Phạm Minh S1 đã được bị cáo Trương Bùi Duy T2 trả lại số tiền 1.000.000 đồng, anh S1 không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên đại diện Viện kiểm sát không đề cập giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Trọng S và Trương Bùi Duy T2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố là đúng. Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm hoà nhập cộng đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Trọng S và Trương Bùi Duy T2 đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Nguyễn Trọng S đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 05/01/2024 và ngày 25/02/2024, cụ thể: Trộm cắp của chị Ngô Thị Thanh V 01 điện thoại di động iphone X màu đen 256GB trị giá: 3.500.000 đồng; trộm cắp của chị Lê Thị T4 01 điện thoại di động hiệu iphone XS loại 64G, màu trắng, trị giá: 3.958.000 đồng; 01 ốp lưng iphone XS, trị giá: 15.000 đồng. Ngoài ra, vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 07/01/2024, tại phòng trọ số 01 thuộc dãy phòng trọ tại địa chỉ số K N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, Nguyễn Trọng S đã có hành vi trộm cắp số tiền 60.000 đồng của chị Lê Thị Mỹ H. Tổng giá trị tài sản S trộm cắp là: 7.533.000 đồng.

Trương Bùi Duy T2, không hứa hẹn trước nhưng biết rõ điện thoại hiệu iphone XS loại 64G, màu trắng trị giá 3.958.000 đồng do S trộm cắp được mà có nhưng vì

muốn có tiền tiêu xài, T2 đồng ý đem bán điện thoại giúp cho S vào ngày 26/02/2024 tại A X, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng .

Do đó hành vi của Nguyễn Trọng S đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và Trương Bùi Duy T2 đã phạm vào tội “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng số 65/CT-VKS ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án và hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy:

Đối với bị cáo Nguyễn Trọng S tuổi đời còn trẻ nhưng lười biếng lao động, để thỏa mãn nhu cầu tiêu xài cá nhân và có tiền chơi game nên đã trộm cắp tài sản của người khác được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Bị cáo có 02 lần trộm cắp trên 2.000.000 đồng nên thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần nhưng tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại là 7.533.000 đồng cũng không lớn nên Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc khi lượng hình để tương xứng với mức độ phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Bị cáo có nhân thân xấu ngày 27/02/2024 bị Ủy ban nhân dân phường K ra Quyết định về việc quản lý người nghiện ma túy trong thời gian làm thủ tục đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Vì vậy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện cải tạo tu dưỡng trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời để răn đe và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Trương Bùi Duy T2 mặc dù biết tài sản do bị cáo S trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý tiêu thụ để được hưởng lợi ích vật chất cùng S. Tuy nhiên, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, số tiền bị cáo thụ hưởng trong vụ án này chỉ có 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng). Bên cạnh đó, hiện nay bị cáo đang là sinh viên của Trường Đại học K nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội mà khoan hồng áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật hình sự để xử phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, giao bị cáo về chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú cũng có tác dụng giáo dục và tạo điều kiện cho bị cáo tiếp tục con đường học tập của mình.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Đối với bị cáo Nguyễn Trọng S:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại, thành khẩn khai báo và được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đối với bị cáo Trương Bùi Duy T2:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; gia đình có ông ngoại là Bùi Y có công với cách mạng nên đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Xét thấy, các bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định, do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử áp dụng các quy định điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để giải quyết:

Các vật chứng kèm hồ sơ vụ án có giá trị chứng minh tội phạm nên cần tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ là:

+ 01 đĩa CD màu vàng, bên trong chứa dữ liệu liên quan đến vụ trộm cắp tài sản tại số B T, thành phố Đà Nẵng có thời lượng 10 giây (*từ 20 giờ 46 phút 25 giây đến 20 giờ 46 phút 35 giây*).

+ 01 đĩa CD chứa 02 đoạn video ghi hình ảnh Nguyễn Trọng S chuẩn bị thực hiện hành vi trộm cắp vào ngày 25/02/2024.

+ Đối với 01 vỏ mặt sau bằng kim loại màu trắng, biểu tượng và nhãn hiệu “Iphone”, có gắn 01 (một) tấm pin màu đen do Phạm Minh S1 giao nộp cho Công an là phần linh kiện bị tháo rời từ điện thoại Iphone XS loại 64G, màu trắng mà S1 đã thu mua của bị cáo T2. T2 đã bồi thường cho S1 1.000.000 đồng là tiền S1 đã mua điện thoại và cũng đã bồi thường điện thoại mới cho bị hại là chị Lê Thị T4, anh S1 và chị T4 không yêu cầu bồi thường gì thêm, bị cáo T2 không có ý kiến gì về phần linh kiện này và nhận thấy không còn giá trị sử dụng. Xét thấy, những phần linh kiện này là bộ phận đã bị tách rời từ điện thoại iphone XS không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu huỷ.

+ 01 đôi dép hiệu QT Luxury made in VietNam, màu đen không có giá trị sử dụng và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Trọng S đồng ý tiêu huỷ nên cần tịch thu tiêu huỷ.

[8] Đối với anh Phạm Minh S1 có hành vi mua 01 điện thoại di động của T2, nhưng không biết điện thoại do trộm cắp mà có. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T không xử lý là có cơ sở.

[9] Bị cáo Nguyễn Trọng S và Trương Bùi Duy T2 mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trọng S **12** (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15 tháng 3 năm 2024.

2. Tuyên bố bị cáo Trương Bùi Duy T2 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 323; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trương Bùi Duy T2 **09** (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **18** (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trương Bùi Duy T2 cho Ủy ban nhân dân phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Nếu bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án: 01 đĩa CD màu vàng, bên trong chứa dữ liệu liên quan đến vụ trộm cắp tài sản tại số B T, thành phố Đà Nẵng có thời lượng 10 giây (*từ 20 giờ 46 phút 25 giây đến 20 giờ 46 phút 35 giây*); 01 đĩa CD chứa 02 đoạn video ghi hình ảnh Nguyễn Trọng S chuẩn bị thực hiện hành vi trộm cắp vào ngày 25/02/2024.

- Tịch thu tiêu huỷ 01 vỏ mặt sau bằng kim loại màu trắng, biểu tượng và nhãn hiệu “Iphone”, có gắn 01 (một) tấm pin màu đen kèm theo.

- Tịch thu tiêu huỷ 01 đôi dép bằng nhựa màu đen, mặt trên quai dép có chữ “QT”.

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 20 tháng 6 năm 2024).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án” của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Trọng S và Trương Bùi Duy T2 mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

5. Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo có mặt tại phiên toà biết có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

(Đã giải thích chế định án treo)

Nơi nhận:

- Bị cáo; người TGT;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê;
- Cơ quan thi hành án hình sự quận Thanh Khê;
- Nhà tạm giữ Công an quận Thanh Khê;
- Tòa án nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Sở tư pháp TP. Đà Nẵng;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Ánh